

36. Sự phù hợp về thời giữa hai vế của một câu

Trong một câu tiếng Anh có 2 vế (hai mệnh đề) thì thời của động từ ở hai thành phần đó phải phù hợp với nhau. Thời của động từ ở mệnh đề chính sẽ quyết định thời của động từ ở mệnh đề phụ.

MỆNH ĐỀ CHÍNH	MỆNH ĐỀ PHỤ
<i>Simple present</i>	<i>Present progressive</i>
Hành động của mệnh đề phụ xảy ra cùng lúc với hành động của mệnh đề chính I <u>see</u> that Hung <u>is writing</u> a letter. Do you <u>know</u> who <u>is riding</u> the horse?	
<i>Simple present</i>	<i>Will/ Can/ May + Verb (hoặc Near future)</i>
Hành động của mệnh đề phụ xảy ra sau hành động của mệnh đề chính trong một tương lai không được xác định hoặc tương lai gần. He <u>says</u> that he <u>will look</u> for a job. I <u>know</u> that she <u>is going</u> to win that prize. She <u>says</u> that she <u>can play</u> the piano.	
<i>Simple present</i>	<i>Simple past</i>
Hành động của mệnh đề phụ xảy ra trước hành động của mệnh đề chính trong một quá khứ được xác định cụ thể về mặt thời gian. I <u>hope</u> he <u>arrived</u> safely. They <u>think</u> he <u>was</u> here last night.	
<i>Simple present</i>	<i>Present perfect (progressive)</i>
Hành động của mệnh đề phụ xảy ra trước hành động của mệnh đề chính trong một quá khứ không được xác định cụ thể về mặt thời gian. He <u>tells</u> us that he <u>has been</u> to Saigon before. We <u>know</u> that you <u>have spoken</u> with Mike about the party.	
<i>Simple past</i>	<i>Past progressive/ Simple past</i>
Hành động của mệnh đề phụ xảy ra cùng lúc với hành động của mệnh đề chính trong quá khứ. I <u>gave</u> the package to my sister when she <u>visited</u> us last week. Mike <u>visited</u> us while he <u>was staying</u> in Hanoi.	
<i>Simple past</i>	<i>Would/ Could/ Might + Verb</i>
Hành động của mệnh đề phụ xảy ra sau hành động của mệnh đề chính trong một tương lai trong quá khứ. He <u>said</u> that he <u>would look</u> for a job. Mary <u>said</u> that she <u>could play</u> the piano.	
<i>Simple past</i>	<i>Past perfect</i>
Hành động của mệnh đề phụ xảy ra trước hành động của mệnh đề chính, lùi sâu về trong quá khứ.	

I hoped he had arrived safely.
They thought he had been here last night.

Lưu ý: Những nguyên tắc trên đây chỉ được áp dụng khi các mệnh đề trong câu có liên hệ với nhau về mặt thời gian nhưng nếu các mệnh đề trong câu có thời gian riêng biệt thì động từ phải tuân theo thời gian của chính mệnh đề đó.

He promised to tell me, till now I haven't received any call from him, though.